

82/2021 VIET NAM - NORTH EAST COAST - HAI PHONG - Depths.

Source: Viet Nam Maritime Safety - North, Notice No. 206/2021/TBHH-TCTBĐATHHMB

Chart - VN50007 [*previous update 70/2021*]

Insert	depth, 0 ₉	20°45.37'N 106°51.83'E
	depth, 3 ₈	20°48.03'N 106°50.51'E
	depth, 1 ₈	20°48.13'N 106°50.45'E
Replace	depth, 0 ₅ , with depth, 1 ₁	20°45.22'N 106°52.04'E
	depth, 2 ₅ , with depth, 2 ₇	20°47.95'N 106°50.51'E
	depth, 3 ₃ , with depth, 3 ₆	20°48.17'N 106°50.48'E
	depth, 1 ₅ , with depth, 1 ₃	20°48.21'N 106°50.41'E
	depth, 3 ₅ , with depth, 4 ₃	20°48.49'N 106°50.44'E

Chart - VN50008 [*previous update 70/2021*]

Insert	depth, 3 ₈	20°48.03'N 106°50.51'E
	depth, 1 ₈	20°48.13'N 106°50.45'E
Replace	depth, 2 ₅ , with depth, 2 ₇	20°47.95'N 106°50.51'E
	depth, 3 ₃ , with depth, 3 ₆	20°48.17'N 106°50.48'E
	depth, 1 ₅ , with depth, 1 ₃	20°48.21'N 106°50.41'E
	depth, 3 ₅ , with depth, 4 ₃	20°48.49'N 106°50.44'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

82/2021 VIỆT NAM - BỜ BIỂN ĐÔNG BẮC BỘ - HẢI PHÒNG - Độ sâu.

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Thông báo số 206/2021/TBHH-TCTBĐATHHMB

Hải đồ - VN50007 [*cập nhật trước 70/2021*]

Chèn	độ sâu, 0 ₉	20°45.37'N 106°51.83'E
	độ sâu, 3 ₈	20°48.03'N 106°50.51'E
	độ sâu, 1 ₈	20°48.13'N 106°50.45'E
Thay	độ sâu, 0 ₅ , bằng độ sâu, 1 ₁	20°45.22'N 106°52.04'E
	độ sâu, 2 ₅ , bằng độ sâu, 2 ₇	20°47.95'N 106°50.51'E
	độ sâu, 3 ₃ , bằng độ sâu, 3 ₆	20°48.17'N 106°50.48'E
	độ sâu, 1 ₅ , bằng độ sâu, 1 ₃	20°48.21'N 106°50.41'E
	độ sâu, 3 ₅ , bằng độ sâu, 4 ₃	20°48.49'N 106°50.44'E

Hải đồ - VN50008 [*cập nhật trước 70/2021*]

Chèn	độ sâu, 3 ₈	20°48.03'N 106°50.51'E
	độ sâu, 1 ₈	20°48.13'N 106°50.45'E
Thay	độ sâu, 2 ₅ , bằng độ sâu, 2 ₇	20°47.95'N 106°50.51'E
	độ sâu, 3 ₃ , bằng độ sâu, 3 ₆	20°48.17'N 106°50.48'E

độ sâu, 1_5 , bằng độ sâu, 1_3

20°48.21'N 106°50.41'E

độ sâu, 3_5 , bằng độ sâu, 4_3

20°48.49'N 106°50.44'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)